

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 157 /2022/HNGĐ -ST

Ngày 30 - 6 - 2022

Về việc: " Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Xuân Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương và ông Hoàng Văn Hào

- *Thư ký phiên tòa:* ông Phan Văn Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Hội - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16 /2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXX- ST ngày 16/ 6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 2000

Địa chỉ: Xóm 1, xã Tr, huyện Đ, tỉnh N. Vắng mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm 1, xã Tr, huyện Đ, tỉnh N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ kiện chị Dương Thị T trình bày: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Đức H kết hôn vào ngày 09/9/2019, trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện Đ, tỉnh N, vợ chồng chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn do xung đột đánh nhau, từ khi sinh con thì mâu thuẫn về tiền bạc và công việc trở nên trầm trọng, vợ

chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được nên chị T mong muốn được giải quyết ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh H có một con chung tên là Nguyễn Thùy V, sinh ngày 10/3/2020. Nay ly hôn, chị T thống nhất giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng)

Về tài sản và các khoản nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hoà giải hợp lệ cho anh Nguyễn Đức H nhưng anh Nguyễn Đức H đều vắng mặt không có lý do. Do đó tại hồ sơ vụ án không có bản tự khai của anh Nguyễn Đức H, vụ án không tiến hành hoà giải được. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu về quan điểm xử lý vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán và chấp hành pháp luật những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 28, điểm a khoản 35, điều 39, điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tuyên xử:

+ Về hôn nhân: Xử cho Chị Dương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức H

+ Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Thùy V, sinh ngày 10/3/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành và buộc chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thị T yêu cầu giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, bị đơn anh Nguyễn Đức H có hộ khẩu thường trú tại xóm 1, xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 5 điều 28 và khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự do vậy Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Đức H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An vào ngày 09/9/2019 không vi phạm các quy định kết hôn theo luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Căn cứ vào chứng cứ do các đương sự cung cấp và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Chị T và anh H chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn do nguyên nhân là giữa hai người tình tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, về kinh tế gia đình, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2021, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, ngày càng trầm trọng. Theo công văn số 26/CV-UBND.TP ngày 27/5/2022 của UBND xã Tr nơi vợ chồng thường trú cung cấp: chị T và anh H có hộ khẩu thường trú tại xóm 1, xã Tràng Sơn đã kết hôn và có một con chung, hiện nay bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ của anh H) cư trú tại xóm 1, xã Tr, huyện Đ, tỉnh N đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hiện nay chị Thủy và anh Hòa đã sống ly thân trước khi làm đơn ly hôn

Xét thấy Hôn nhân giữa chị T và anh H mâu thuẫn đã kéo dài, không có hạnh phúc, tình cảm quan hệ vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận đơn yêu cầu của chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị T và anh H có một người con chung Nguyễn Thùy V, sinh ngày 10/3/2020. Anh H có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu chị Thủy cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Chị Thủy thống nhất nhường quyền nuôi con chung cho anh H nuôi dưỡng và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ theo yêu cầu trong đơn của anh H. Do vậy xét việc giao nuôi con chưa thành niên cho vợ hay chồng trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào điều kiện chăm sóc chung, chỗ ở, thu nhập của các bên đương sự và ổn định tâm lý cho con chung như điều kiện sinh hoạt học tập cho con chưa thành niên. Xét thấy anh H có chỗ ở, thu nhập ổn định, hiện tại con chung đang ở với anh Hòa và mẹ đẻ của anh Hòa từ nhỏ cho đến nay, do vậy cần chấp nhận yêu cầu và giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục như ý kiến của UBND xã Tr và đề nghị

của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự và chị Thủy có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/ tháng cho anh Hòa như các bên đã đề nghị là phù hợp

[4]. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào điều 147, khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Dương Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân gia đình và khoản 1 Điều 28; Điều 35, khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Dương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức H

2. *Về con chung:* chị Dương Thị T và anh Nguyễn Đức H có một người con chung Nguyễn Thùy V, sinh ngày 10/3/2020. Nay ly hôn giao cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục chăm sóc con chung Nguyễn Thùy Vy, sinh ngày 10/3/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Dương Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đức H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. *Về tài sản và các khoản nợ:* Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Đức H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Dương Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0002395 ngày 25 /01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Chị Dương Thị T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- Các đương sự;
- UBND xã Tr;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

NGUYỄN XUÂN ĐẠI

